TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 260/2024/DS-ST
Ngày 17/9/2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Hách

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mai

Bà Trần Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2024/TLST-DSST ngày 29 tháng 03 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 07 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 230/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở: Số B - B N, Phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H - Nhân viên Công ty TNHH MTV Q1 và khai thác tài sản Ngân hàng S; Địa chỉ: Tầng B số B - B Bà T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Vinh Q, sinh năm: 1975;

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: A TT V, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Đức H1 (Theo giấy ủy quyền ngày 11/5/2024 lập tại Văn phòng C). Nơi ĐKHKTT: 109 Đ tập thể V, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14/01/2024 và văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S ông Nguyễn Thanh H trình bày như sau:

Ngày 26/5/2016, ông Nguyễn Vinh Q có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng). Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Q, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ số thẻ 472074 – 3725 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 31.879.165 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 16.600.000 đồng. **(**Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/11/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn: 2.15% x 150% = 3.225%/ tháng.

Tính đến ngày 17/9/2024**,** ông Q còn nợ Ngân hàng tổng cộng: 99.154.355 đồng (Chín mươi chín triệu một trăm năm mươi tư nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc: 26.787.494 đồng, lãi quá hạn 73.106.429 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông Q có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông Q vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Vinh Q phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/9/2024 là 99.154.355 đồng (Chín mươi chín triệu một trăm năm mươi tư nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng).

Buộc ông Nguyễn Vinh Q có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 17/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ gốc vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Về án phí: Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn ông Nguyễn Vinh Q do ông Ngô Đức H1 đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa trình bày:** Ông xác nhận ông Nguyễn Vinh Q có ký kết hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 26/5/2016 với ngân hàng TMCP S (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của

Ngân hàng). Thẻ có hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ ông Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 31.879.165 đồng. Do ông Q kinh tế khó khăn, bị nghiện rượu nên đã không thanh toán được số tiền nợ với ngân hàng TMCP S. Ông xác nhận tính đến ngày 17/9/2024 ông Q còn nợ ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 99.154.355 đồng (Chín mươi chín triệu một trăm năm mươi tư nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc: 26.787.494 đồng, lãi quá hạn 73.106.429 đồng. Ông đề nghị ngân hàng T điều kiện xem xét miễn giảm toàn bộ lãi cho ông Q.

Về án phí: Bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng TMCP S vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị Tòa án nhân dân quận Đống Đa buộc ông Nguyễn Vinh Q thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 17/9/2024 là 99.154.355 đồng (Chín mươi chín triệu một trăm năm mươi tư nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc: 26.787.494 đồng, lãi quá hạn 73.106.429 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án dân sự này là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Vinh Q có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại số A TT V, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa theo khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ký ngày 31/5/2016 giữa Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Vinh Q được các bên ký trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy xác định là Hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành với các bên. Ông Q được cấp thẻ số thẻ 472074 - 3725 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 31.879.165 đồng, ông Q đã thanh toán cho ngân hàng là 16.600.000 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm đồng). Sau đó ông Q không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng nữa mặc dù đã được Ngân hàng làm việc, nhắc nhở nhiều lần. Ngày 01/11/2017, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của ông Q sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện

phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Nay ngân hàng xác nhận tạm tính đến ngày 17/9/2024 ông Nguyễn Vinh Q còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi là: 99.154.355 đồng (Chín mươi chín triệu một trăm năm mươi tư nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc: 26.787.494 đồng, lãi quá hạn 73.106.429 đồng. Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Vinh Q phải thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi nêu trên.

[2.1]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc: 26.787.494 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bản sao kê sử dụng thẻ tín dụng của ông Nguyễn Vinh Q với Ngân hàng TMCP S đủ cơ sở xác nhận ông Nguyễn Vinh Q còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 26.787.494 đồng (Hai mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm chín tư đồng) nên việc Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Vinh Q phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ gốc trên là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Xét yêu cầu tính lãi: căn cứ Điều 23 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S quy định: Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát sinh thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng. Trong trường hợp này toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán. Ông Nguyễn Vinh Q sử dụng thẻ từ ngày 26/5/2016 quá trình sử dụng thẻ ông Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhắc nhở ông Q, qua nhiều lần làm việc nhưng ông Q không có thiện chí trả nợ. Do ông Q vi phạm Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng nên ngày 01/11/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của ông Q sang nợ quá hạn là đúng quy định của hợp đồng và phù hợp với các quy định của pháp luật về lãi suất được quy định khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2010, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tạm tính đến ngày 17/9/2024, ông Q còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 26.787.494 đồng (Hai mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm chín tư đồng), lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn, tính từ ngày 01/11/2017 đến ngày 17/9/2024 là: 73.106.429 đồng (Bảy mươi ba triệu một trăm linh sáu nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng). Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S buộc ông Nguyễn Vinh Q phải thanh toán số tiền nợ lãi quá hạn là: 73.106.429 đồng (Bảy mươi ba triệu một trăm linh sáu nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng).

Như vậy, số tiền nợ gốc và lãi ông Nguyễn Vinh Q phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S là: 99.154.355 đồng (Chín mươi chín triệu một trăm năm mươi tư nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng).

Về án phí: Ngân hàng TMCP S được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Vinh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ các Điều 463, 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với ông Nguyễn Vinh Q về việc thanh toán số tiền chậm trả theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Xác nhận ông Nguyễn Vinh Q còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi là 99.154.355 đồng (Chín mươi chín triệu một trăm năm mươi tư nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc: 26.787.494 đồng, lãi quá hạn 73.106.429 đồng.

Buộc ông Nguyễn Vinh Q phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền là 99.154.355 đồng (Chín mươi chín triệu một trăm năm mươi tư nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng).

Về án phí: Ông Nguyễn Vinh Q phải chịu 4.957.718 đồng (Bốn triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm mười tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần S 2.283.039 đồng (Hai triệu hai trăm tám mươi ba nghìn không trăm ba mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001052855 ngày 19/03/2024 tại Công ty cổ phần T1, đơn vị nhận tiền: Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xử án sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Nguyễn Vinh Q do ông Ngô Đức H1 đại diện theo ủy quyền có mặt. Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Nguyễn Vinh Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa;
- TAND TP Hà Nội;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Công Hách